

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2009/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009

**THÔNG TƯ****quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng trong năm 2010 để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh**

*Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2009;*

*Căn cứ Quyết định số 2072/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các khoản vay trung và dài hạn ngân hàng bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân;*

*Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh;*

*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng trong năm 2010 để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh (dưới đây gọi tắt là hỗ trợ lãi suất) như sau:*

**Điều 1. Mục đích hỗ trợ lãi suất**

Trong năm 2010, Nhà nước hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng bằng đồng Việt Nam theo phương thức quy định tại Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2009 nhằm hỗ trợ phục hồi tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô.

**Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng quy định về hỗ trợ lãi suất**

1. Các tổ chức tín dụng cho vay đối với tổ chức, cá nhân bao gồm:

a) Ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, ngân hàng 100% vốn nước ngoài và Quỹ tín dụng nhân dân trung ương (sau đây gọi chung là ngân hàng thương mại);

b) Các công ty tài chính (trừ công ty tài chính chuyên ngành hoạt động trong

lĩnh vực tín dụng tiêu dùng và lĩnh vực thẻ theo quy định của pháp luật) thực hiện đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng và có tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tín dụng dưới 5%.

2. Khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất, bao gồm: Tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng thương mại, công ty tài chính để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh ở trong nước theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001.

3. Loại cho vay được hỗ trợ lãi suất là các khoản cho vay trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh theo các hợp đồng tín dụng ký kết trước và sau ngày 01 tháng 01 năm 2010 mà được giải ngân (một hoặc nhiều lần) trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2010, được thống kê theo quy định tại Chế độ báo cáo thống kê áp dụng tại các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ

chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Quyết định số 143 TCTK/PPCĐ ngày 22 tháng 12 năm 1993 của Tổng cục trưởng Tổng Cục Thống kê về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế cấp II, cấp III và cấp IV và danh mục hệ thống ngành kinh tế quốc dân, bao gồm:

- a) Ngành nông nghiệp và lâm nghiệp;
- b) Ngành thủy sản;
- c) Ngành công nghiệp chế biến;
- d) Hoạt động khoa học và công nghệ;
- đ) Hoạt động thu mua và kinh doanh các mặt hàng nông sản, lâm sản, thủy sản, muối.

**Điều 3. Nguyên tắc, thời hạn, mức lãi suất và phương thức hỗ trợ lãi suất**

1. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất là các ngân hàng thương mại, công ty tài chính cho vay các nhu cầu vốn trung, dài hạn để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh theo cơ chế cho vay thông thường và thực hiện hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng, kể từ ngày giải ngân đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký kết trước và sau ngày 01 tháng 01 năm 2010 mà được giải ngân trong khoảng

thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2010. Việc hỗ trợ lãi suất được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2012. Các khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất bị quá hạn trả nợ, được gia hạn nợ vay, thời hạn vay thực tế vượt quá 24 tháng, thì không được hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian quá hạn trả nợ, gia hạn nợ và vượt quá 24 tháng.

3. Mức lãi suất hỗ trợ cho khách hàng vay là 2%/năm, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế.

4. Trường hợp khách hàng vay vốn trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất mà khách hàng vay có số dư tài khoản tiền gửi và giấy tờ có giá bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ (gọi chung là số dư tài khoản tiền gửi); hoặc khoản vay được cầm cố, bảo lãnh bằng giấy tờ có giá, sổ tiết kiệm và các hình thức bằng tiền khác bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ (gọi chung là giấy tờ có giá), thì thực hiện hỗ trợ lãi suất như sau:

a) Đối với trường hợp khách hàng vay có số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại, công ty tài chính cho vay và các tổ chức tín dụng khác, thì khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngân hàng thương mại, công ty tài chính tính toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi là vốn tự có của khách hàng vay và mức vốn cho vay phải loại trừ (-) số dư tài khoản tiền gửi này. Khách

hàng vay có trách nhiệm báo cáo ngân hàng thương mại, công ty tài chính về số dư tài khoản tiền gửi và giá trị giấy tờ có giá bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng khác và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp và chính xác của báo cáo này. Số dư tài khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ của khách hàng vay bao gồm: Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn; tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm khác; không bao gồm số dư tài khoản tiền gửi vốn chuyên dùng, tiền ký quỹ và tiền gửi phong tỏa theo quy định của pháp luật;

b) Đối với trường hợp khoản vay được cầm cố bằng giấy tờ có giá, thì khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngân hàng thương mại, công ty tài chính tính toàn bộ giá trị giấy tờ có giá là vốn tự có của khách hàng vay và mức vốn cho vay phải loại trừ (-) giá trị giấy tờ có giá này;

c) Đối với trường hợp khoản vay được bảo lãnh bằng giấy tờ có giá, thì ngân hàng thương mại, công ty tài chính thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với phần dư nợ cho vay bằng chênh lệch giữa số dư nợ cho vay trừ (-) giá trị giấy tờ có giá được bảo lãnh của khách hàng tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng;

d) Đối với số dư tài khoản tiền gửi và giấy tờ có giá bằng ngoại tệ, thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá

mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại, công ty tài chính tại thời điểm xác định số dư tài khoản tiền gửi và giá trị giấy tờ có giá.

5. Phương thức thực hiện hỗ trợ lãi suất là khi thu lãi tiền vay, các ngân hàng thương mại giảm trừ số tiền lãi phải trả của khách hàng vay bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất trên cơ sở báo cáo số tiền hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thương mại, công ty tài chính.

**Điều 4.** Quy trình và trách nhiệm của khách hàng vay, ngân hàng thương mại, công ty tài chính thực hiện hỗ trợ lãi suất

1. Đối với khách hàng vay có khoản vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất:

a) Trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2010, khi phát sinh khoản vay lần đầu tại ngân hàng thương mại, công ty tài chính nơi cho vay, khách hàng vay gửi giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay cho các ngân hàng thương mại, công ty tài chính theo mẫu 01 tại Phụ lục Thông tư này;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất đã ghi trong hợp đồng tín dụng. Nếu sử dụng vốn vay không đúng mục đích theo đối tượng hỗ trợ lãi suất, thì không được hỗ trợ lãi suất và phải hoàn trả cho ngân

hàng thương mại, công ty tài chính số lãi tiền vay được hỗ trợ trước đó và bị xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các quy định của ngân hàng thương mại, công ty tài chính về thủ tục vay vốn, hỗ trợ lãi suất và chế độ báo cáo;

d) Hạch toán khoản chi trả lãi tiền vay theo đúng số tiền lãi phải trả cho ngân hàng thương mại, công ty tài chính sau khi được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật;

đ) Yêu cầu ngân hàng thương mại, công ty tài chính nơi cho vay thực hiện hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

e) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục đích vay vốn được hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp cho ngân hàng thương mại, công ty tài chính.

2. Đối với ngân hàng thương mại, công ty tài chính:

a) Thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; không được từ chối hỗ trợ lãi suất, nếu khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất; định kỳ báo cáo Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam để kiểm tra, giám sát tình hình hỗ trợ lãi suất;

b) Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất để ghi trong hợp đồng tín dụng các nội dung về hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật; từ chối các yêu cầu hỗ trợ lãi suất không đúng quy định của pháp luật;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) ngân hàng thương mại, công ty tài chính chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp hỗ trợ lãi suất không đúng quy định của pháp luật. Đối với ngân hàng thương mại và công ty tài chính, nếu vi phạm, thì bị xem xét trong việc xếp loại hàng năm, bổ sung tăng vốn điều lệ, cấp giấy phép mở mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại;

d) Áp dụng cơ chế và lãi suất cho vay thông thường đối với các nhu cầu vay vốn thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất phù hợp với quy định tại Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

đ) Thực hiện việc kiểm tra trước, trong, sau khi cho vay và có biện pháp phối hợp giữa các ngân hàng thương mại, công ty tài chính trong việc kiểm tra, thẩm định cho vay để đảm bảo việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật. Nếu phát hiện khách hàng vay sử dụng vốn

vay không đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất, thì thu hồi số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất trước đó; trường hợp không thu hồi được, thì báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý hoặc khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng của khách hàng vay;

e) Hướng dẫn khách hàng vay để bảo đảm việc vay được thuận tiện, an toàn và đúng đối tượng;

g) Khi thu lãi tiền vay của khách hàng, các ngân hàng thương mại, công ty tài chính thực hiện việc giảm trừ số lãi tiền vay phải trả của khách hàng bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật. Trường hợp đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa đến kỳ hạn thu lãi tiền vay, thì các ngân hàng thương mại, công ty tài chính phải tính số lãi tiền vay phải trả của khách hàng và thực hiện việc giảm trừ số lãi tiền vay bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất. Việc tính và thu lãi tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật; thực hiện hạch toán, theo dõi số lãi tiền vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất như sau:

- Hạch toán toàn bộ số lãi tiền vay vào thu nhập theo quy định của chế độ tài chính hiện hành; số lãi tiền vay hỗ trợ lãi suất do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển được hạch toán vào tài khoản riêng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hạch toán số tiền hỗ trợ lãi suất năm 2010;

- Có bảng kê (hoặc cơ sở dữ liệu) theo dõi chi tiết các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất (khách hàng vay, số tiền vay, thời hạn và lãi suất cho vay, số tiền hỗ trợ lãi suất...) để gửi cho khách hàng vay, phục vụ cho việc theo dõi, thống kê và kiểm toán nội bộ, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

h) Lập giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất có xác nhận của khách hàng và ngân hàng thương mại, công ty tài chính nơi cho vay (ký tên, đóng dấu) để làm chứng từ kiểm tra, giám sát. Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất được lập thành 02 bản, 01 bản lưu giữ hồ sơ tín dụng, 01 bản gửi cho khách hàng vay. Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất được lập từng lần khi thu lãi tiền vay và giảm trừ số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất hoặc lập theo định kỳ hàng tháng phù hợp với thời hạn gửi báo cáo hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đối với hộ nông dân vay vốn, thì lập giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất vào tháng cuối của mỗi quý trong thời hạn hỗ trợ lãi suất;

i) Gửi giấy đăng ký kế hoạch và báo cáo số tiền hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo các mẫu tại Phụ lục Thông tư này:

- Giấy đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất hàng quý theo mẫu 02 Phụ lục Thông tư này và gửi chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu quý;

- Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất hàng tháng theo các mẫu 03, 04 Phụ lục Thông tư này và gửi chậm nhất là ngày 10 của tháng liền kề với tháng báo cáo, đảm bảo chính xác và đúng thời hạn.

k) Theo dõi, thống kê kịp thời, chính xác các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất để phục vụ cho việc kiểm toán nội bộ, báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; mở các tài khoản hoặc áp dụng hệ thống quản lý thích hợp để hạch toán, thống kê riêng các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất;

l) Quản lý và lưu giữ hồ sơ các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Điều 55 Luật các tổ chức tín dụng và của pháp luật liên quan.

**Điều 5.** Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Hàng tháng, chuyển tối đa 90% số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất theo báo cáo của ngân hàng thương mại, công ty tài chính. Việc chuyển số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất còn lại hàng năm, được thực hiện sau khi nhận được báo cáo quyết toán về hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thương mại, công ty tài chính.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan khác tiến hành việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy định của pháp luật về hỗ trợ lãi suất trong trường hợp cần thiết.

3. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nội dung liên quan đến tổ chức thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất:

a) Vụ Chính sách tiền tệ: Phối hợp với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để xử lý các vấn đề về cơ chế hỗ trợ lãi suất; nhận giấy đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất và các báo cáo về tình hình hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thương mại, công ty tài chính; thông báo số tiền hỗ trợ lãi suất chuyển cho ngân hàng thương mại, công ty tài chính; hướng dẫn quyết toán số tiền hỗ trợ lãi suất; xây dựng báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ;

b) Vụ Tài chính - Kế toán: Xử lý các vấn đề về hạch toán kế toán liên quan đến cơ chế hỗ trợ lãi suất (chứng từ gốc để hạch toán, chuyển số tiền hỗ trợ lãi suất...);

c) Sở Giao dịch: Thực hiện việc hạch toán, chuyển số tiền hỗ trợ lãi suất cho ngân hàng thương mại, công ty tài chính theo thông báo của Vụ Chính sách tiền tệ và quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

d) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng: Thực hiện việc thanh tra, giám sát

và xử lý đối với ngân hàng thương mại, công ty tài chính và khách hàng vay có vi phạm quy định của pháp luật về hỗ trợ lãi suất;

đ) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thực hiện việc kiểm tra, giám sát và thanh tra theo thẩm quyền tình hình thực hiện quy định của pháp luật về hỗ trợ lãi suất và báo cáo, đề xuất với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý các vấn đề phát sinh.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng thương mại và công ty tài chính khách hàng vay chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**THỐNG ĐỐC**

Nguyễn Văn Giàu

**Phụ lục****VỀ CÁC MẪU BIỂU ÁP DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VAY  
VÀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CÔNG TY TÀI CHÍNH**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 27/2009/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2009  
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

1. Mẫu 01: Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với khoản vay trung, dài hạn trong năm 2010.

2. Mẫu 02: Giấy đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay trung, dài hạn trong năm 2010.

3. Mẫu 03: Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay trung, dài hạn trong năm 2010 theo Quyết định số 2072/QĐ-TTg và Thông tư số 27/2009/TT-NHNN phân theo ngành, lĩnh vực kinh tế và đối tượng khách hàng vay.

4. Mẫu 04: Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay trung, dài hạn trong năm 2010 theo Quyết định số 2072/QĐ-TTg và Thông tư số 27/2009/TT-NHNN phân theo 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.



Mẫu 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY ĐỐI VỚI  
KHOẢN VAY TRUNG, DÀI HẠN TRONG NĂM 2010**

Kính gửi:.....  
(tên ngân hàng thương mại, công ty tài chính cho vay)

Tên khách hàng vay:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Tên đại diện tổ chức (đối với khách hàng là tổ chức):.....

Chức vụ:.....

Căn cứ các quy định tại Quyết định số 2072/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Thông tư số 27/2009/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2009, chúng tôi đề nghị ngân hàng thương mại/công ty tài chính hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay vốn trung, dài hạn để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh theo các hợp đồng tín dụng được giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Chúng tôi cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về cho vay, hỗ trợ lãi suất và các cam kết trong hợp đồng tín dụng; sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng đối tượng được hỗ trợ lãi suất; hoàn trả ngay số tiền đã được hỗ trợ lãi suất, nếu sử dụng tiền vay không đúng mục đích của đối tượng hỗ trợ lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, nếu vi phạm hợp đồng tín dụng.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**KHÁCH HÀNG VAY**  
(Ký tên và đóng dấu)

Hướng dẫn:

- Khách hàng vay chỉ gửi Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay 01 lần khi phát sinh khoản vay đầu tiên tại ngân hàng thương mại, công ty tài chính nơi cho vay trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

- Khách hàng vay là tổ chức, thì đại diện tổ chức ký tên và đóng dấu; khách hàng vay là cá nhân và hộ gia đình, thì ký và ghi rõ họ tên.

## TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI/CÔNG TY TÀI CHÍNH

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcGIẤY ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY ĐỐI VỚI  
KHOẢN VAY TRUNG, DÀI HẠN TRONG NĂM 2010 THEO  
QUYẾT ĐỊNH SỐ 2072/QĐ-TTg VÀ THÔNG TƯ SỐ 27/2009/TT-NHNN  
QUÝ..... NĂM.....

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

*(Vụ Chính sách tiền tệ)*

Ngân hàng:.....

Đại diện pháp nhân:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tài khoản tiền gửi VND số:..... tại.....

Đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng vay quý.... năm.... theo quy định tại Quyết định số 2072/QĐ-TTg và Thông tư số 27/2009/TT-NHNN như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Ngành, lĩnh vực kinh tế	Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất	Số tiền hỗ trợ lãi suất
1. Tổng số		
Trong đó:		
- Ngành nông nghiệp và lâm nghiệp		
- Ngành thủy sản		
- Ngành công nghiệp chế biến		
- Hoạt động khoa học và công nghệ		
- Hoạt động thu mua và kinh doanh các mặt hàng nông sản, lâm sản, thủy sản, muối		
2. Tỷ lệ % dư nợ cho vay trung, dài hạn được hỗ trợ lãi suất trong năm 2010 so với tổng dư nợ của ngân hàng thương mại/công ty tài chính		

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký và đóng dấu)

## TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI/CÔNG TY TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY ĐỐI VỚI KHOẢN VAY TRUNG, DÀI HẠN  
 TRONG NĂM 2010 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2072/QĐ-TTg VÀ THÔNG TƯ SỐ 27/2009/TT-NHNN  
 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ VÀ ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG VAY  
 THÁNG..... NĂM.....

Đơn vị: Đồng

Chi tiêu	Trong tháng báo cáo				Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất đến thời điểm cuối tháng báo cáo	Số lượng khách hàng vay còn dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất đến thời điểm cuối tháng báo cáo	Tổng số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay lũy kế từ ngày 01/01/2010 đến cuối tháng báo cáo
	Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất	Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo ngành, lĩnh vực kinh tế							
- Nông nghiệp và lâm nghiệp							
- Thủy sản							

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Công nghiệp chế biến							
- Hoạt động khoa học và công nghệ							
- Hoạt động thu mua và kinh doanh các mặt hàng nông sản, lâm sản, thủy sản, muối							
II. Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo đối tượng khách hàng vay							
- Doanh nghiệp							
+ Công ty nhà nước							
+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước							
- Hợp tác xã và tổ hợp tác							
- Tổ chức khác							
- Hộ gia đình và cá nhân							

....., ngày..... tháng..... năm.....

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN)

TRƯỞNG KIỂM TRA/  
KIỂM TOÁN NỘI BỘ

TỔNG GIÁM ĐỐC  
(GIÁM ĐỐC)

Hướng dẫn tổng hợp và gửi báo cáo:

- Báo cáo này ngân hàng thương mại, công ty tài chính gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo địa chỉ: Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước - 49 Lý Thái Tổ - Hà Nội (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04-38246953/38240132) và chi nhánh ngân hàng thương mại gửi cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Phân các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo ngành, lĩnh vực kinh tế quy định tại Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN ngày 28/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Quyết định số 143/TCTK-PPCD ngày 22/12/1993 của Tổng cục trưởng Tổng Cục thống kê.

- Công ty nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp năm 2005 và Luật đầu tư.

- Cột (1): Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất là số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác, tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ lãi suất phát sinh mới trong tháng báo cáo (không tính trùng theo số lượt món vay); nếu 01 khách hàng có nhiều khoản vay thuộc các ngành khác nhau, thì liệt kê vào ngành có số dư nợ cho vay lớn nhất.

- Cột (3): Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng và phương pháp tính quy định tại Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Cột (4): Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay được tổng hợp theo số liệu ghi trên Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất; tổng số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất phải bằng số tiền hỗ trợ lãi suất đã thực hiện hạch toán giảm trừ cho khách hàng vay.

- Cột (6): Số lượng khách hàng vay còn dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất đến thời điểm cuối tháng báo cáo; không tính trùng theo số lượt món vay và nếu 01 khách hàng có nhiều khoản vay thuộc các ngành khác nhau, thì liệt kê vào ngành có số dư nợ cho vay lớn nhất.

- Thời hạn gửi báo cáo: Hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 tháng liền kề tháng báo cáo.

- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm trả lời các chi tiết báo cáo khi Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Hội sở chính của ngân hàng thương mại, công ty tài chính phản ánh kịp thời bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04-38246955/38259158; fax: 04-38246953/38240132; đối với chi nhánh ngân hàng thương mại phản ánh về Hội sở chính của ngân hàng thương mại để xử lý thống nhất trong toàn hệ thống.

## TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI/CÔNG TY TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY ĐỐI VỚI KHOẢN VAY TRUNG, DÀI HẠN  
TRONG NĂM 2010 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2072/QĐ-TTg VÀ THÔNG TƯ SỐ 27/2009/TT-NHNN  
PHÂN THEO 63 TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG  
THÁNG..... NĂM.....

Đơn vị: Đồng

Tên tỉnh, thành phố	Trong tháng báo cáo				Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất đến thời điểm cuối tháng báo cáo	Số lượng khách hàng vay còn dư nợ hỗ trợ lãi suất đến thời điểm cuối tháng báo cáo	Tổng số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay lũy kế từ ngày 01/01/2010 đến cuối tháng báo cáo
	Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất	Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng số							
Trong đó:							
1. Tỉnh An Giang							
2. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu							
3. Tỉnh Bắc Cạn							
.....							

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
.....							
63. Tỉnh Yên Bái							

....., ngày..... tháng..... năm.....

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**  
(TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN)

**TRƯỞNG KIỂM TRA/  
KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(GIÁM ĐỐC)

Hướng dẫn tổng hợp và gửi báo cáo:

- Phân các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (xếp theo thứ tự bảng chữ cái).

- Cột (1): Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất là số lượng khách hàng được hỗ trợ lãi suất phát sinh mới trong tháng báo cáo (không tính trùng theo số lượt món vay); nếu 01 khách hàng có nhiều khoản vay thuộc các ngành khác nhau, thì liệt kê vào ngành có số dư nợ cho vay lớn nhất.

- Cột (3): Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng và phương pháp tính quy định tại Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Cột (4): Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay được tổng hợp theo số liệu ghi trên Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất; tổng số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất phải bằng số tiền hỗ trợ lãi suất đã thực hiện hạch toán giảm trừ cho khách hàng vay.

- Cột (6): Số lượng khách hàng vay còn dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất đến thời điểm cuối tháng báo cáo; không tính trùng theo số lượt món vay và nếu 01 khách hàng có nhiều khoản vay thuộc các ngành khác nhau, thì liệt kê vào ngành có số dư nợ cho vay lớn nhất.

- Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04-38246953/38240132) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- Thời hạn gửi báo cáo: Hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 tháng liền kề tháng báo cáo.

- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm trả lời các chi tiết báo cáo khi Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Hội sở chính của ngân hàng thương mại, công ty tài chính phản ánh kịp thời bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04-38246955/38259158; fax: 04-38246953/38240132; đối với chi nhánh ngân hàng thương mại phản ánh về Hội sở chính của ngân hàng thương mại để xử lý thống nhất trong toàn hệ thống.